

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG THCS VÀ THPT  
TRẦN ĐẠI NGHĨA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 77/TĐN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**BIÊN BẢN**  
**Công khai điều chỉnh dự toán năm 2026 (lần 3)**

Hôm nay, ngày 10 tháng 4 năm 2026

Thành phần gồm:

- |                          |  |
|--------------------------|--|
| 1. Bà Trần Thị Hồng Thủy | Chức vụ: Hiệu trưởng                   |
| 2. Ông Ngô Văn Đát       | Chức vụ: Trưởng ban thanh tra nhân dân |
| 3. Bà Nguyễn Thị Nga     | Chức vụ: Kế toán                       |

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa công khai điều chỉnh dự toán ngân sách năm 2026 (lần 3) theo Quyết định số 984/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3).

Nội dung công khai bên trên được nhà trường dán niêm yết tại phòng Kế toán – Hành chính từ ngày 10/4/2026 – 10/7/2026 và đăng tải trên trang thông tin điện tử của trường: <http://thcsthpttrandainghia.edu.vn/>.

**THANH TRA NHÂN DÂN**

**Ngô Văn Đát**

**KẾ TOÁN**

**Nguyễn Thị Nga**

**HIỆU TRƯỞNG**



**Trần Thị Hồng Thủy**

Số: 39/QĐ-TĐN

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai điều chỉnh dự toán ngân sách cấp  
năm 2026 (lần 3)**

**HIỆU TRƯỞNG THCS VÀ THPT TRẦN ĐẠI NGHĨA**

Căn cứ Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về tổ chức lại Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa thành Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa và Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa;

Căn cứ Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 15 tháng 05 năm 2024 của Ủy Ban nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về thành lập Trường trung học cơ sở và trung học phổ thông Trần Đại Nghĩa trên cơ sở tổ chức lại Trường trung học phổ thông chuyên Trần Đại Nghĩa; Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ quyết định số 984/QĐ-SGDĐT ngày 06 tháng 4 năm 2026 về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3).

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh dự toán ngân sách cấp năm 2026 lần 3 (theo các biểu đính kèm)

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Các Ông, bà phòng kế toán, phòng ban liên quan tổ chức thực hiện quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Lưu: VT.



**HIỆU TRƯỞNG**

**\*Trần Thị Hồng Thủy**

**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**

(Kèm theo Quyết định số 39/QĐ-TĐN ngày 10/4/2026 của trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa)  
 (Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
<b>A</b>	<b>Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí</b>	
<b>I</b>	<b>Số thu phí, lệ phí</b>	
1	Lệ phí	
2	Phí	
<b>II</b>	<b>Chi từ nguồn thu phí được để lại</b>	
<b>I</b>	<b>Chi sự nghiệp.....</b>	
a	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
b	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
a	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
<b>III</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>	
<b>I</b>	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
<b>2</b>	Phí	
<b>B</b>	<b>Dự toán chi ngân sách nhà nước</b>	
<b>1</b>	<b>Nguồn ngân sách trong nước</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo không cấp qua Quỹ phát triển khoa học công nghệ	
2.2	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
2.3	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
-	Nhiệm vụ khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo	
-	Nhiệm vụ chuyển đổi số	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>	(1.039)
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	(1.039)
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	



<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	
<b>II</b>	<b>Nguồn vốn viện trợ</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	

10.2	Dự án B	
<b>III</b>	<b>Nguồn vay nợ nước ngoài</b>	
<b>1</b>	<b>Chi quản lý hành chính</b>	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
<b>2</b>	<b>Chi sự nghiệp khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số</b>	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
<b>3</b>	<b>Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề</b>	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
<b>4</b>	<b>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</b>	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
<b>5</b>	<b>Chi bảo đảm xã hội</b>	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
<b>6</b>	<b>Chi hoạt động kinh tế</b>	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	
<b>7</b>	<b>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</b>	
7.1	Dự án A	
7.2	Dự án B	
<b>8</b>	<b>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</b>	
8.1	Dự án A	
8.2	Dự án B	
<b>9</b>	<b>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn</b>	
9.1	Dự án A	
9.2	Dự án B	
<b>10</b>	<b>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</b>	
10.1	Dự án A	
10.2	Dự án B	

*Ghi chú: Niêm yết tại phòng Kế toán - Hành chính từ ngày 10/4/2026 đến ngày 10/7/2026*

Ngày 10 tháng 4 năm 2026

**Thủ trưởng đơn vị**

(Chữ ký, dấu)



★ **Trần Thị Hồng Thủy**

Số: 984 /QĐ-SGDĐT Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 4 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3)**

**GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 09/2025/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Công văn số 180/KTNN-TH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương và báo cáo quyết toán ngân sách địa phương năm 2024 của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông báo số 76/KTNN-TH ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Kiểm toán nhà nước về việc gửi Báo cáo kiểm toán ngân sách địa phương năm 2024 của tỉnh Bình Dương;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh dự toán ngân sách nhà nước năm 2026 (lần 3) của các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2025 (niên độ 2024) theo phụ lục đính kèm.

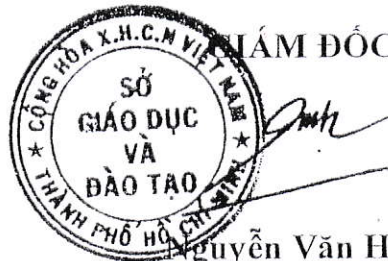
**Điều 2.** Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2026 được giao, Thủ trưởng các đơn vị tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Các Ông (Bà) Chánh Văn phòng, Trưởng phòng Phòng Kế hoạch - Tài chính và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Tài chính (để phối hợp);
- KBNN Khu vực II (để phối hợp);
- Các Phòng GD - KBNN KV II nơi đơn vị giao dịch (để phối hợp);
- Lưu: VT, KHTC.



Nguyễn Văn Hiếu

ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Mẫu biểu số 48

Chương 422 - Loại 070 - Khoản 074



**DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2026**

Đơn vị: Trường THCS và THPT Trần Đại Nghĩa

Mã DVQHNS: 1133410

Mã KBNN nơi giao dịch: Phòng Giao dịch số 11 - KBNN KV II (0137)

(Kèm theo Quyết định số 984/QĐ-SGDĐT ngày 06/4/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	0		0
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	18.907.240	-1.039.000	17.868.240
	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	18.907.240	-1.039.000	17.868.240
1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	0	0	0
1.1	Chi từ ngân sách thành phố	0	0	0
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	0		0
1.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng)	0	0	0
	<i>Nguồn CCTL ngân sách thành phố</i>	0	0	0
	<i>Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang</i>	0		0
2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	18.907.240	-1.039.000	17.868.240
2.1	Chi từ ngân sách thành phố	10.054.240	0	10.054.240
	<i>Trong đó: 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	0		0
2.2	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn 14)	8.353.000	-1.039.000	7.314.000
	<i>Nguồn CCTL ngân sách thành phố</i>	8.353.000	-1.039.000	7.314.000
	<i>Nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang</i>	0		0
2.3	Chi từ nguồn cải cách tiền lương (nguồn 18)	500.000	0	500.000
	<i>Nguồn CCTL ngân sách thành phố</i>	500.000	0	500.000

*Handwritten signature*

**Ghi chú:**

1. Kinh phí chi lương và các khoản chi phí hoạt động được bố trí trong kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên từ nguồn ngân sách thành phố (cho đến khi phương án tự chủ tài chính của đơn vị được phê duyệt theo quy định tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21 tháng 6 năm 2021 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung theo Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ).
2. Đơn vị chịu trách nhiệm thực hiện trích lập tối thiểu 40% số thu được để lại theo chế độ sau khi trừ các chi phí liên quan trực tiếp đến hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí (bao gồm cả thù học phí) để tạo nguồn cải cách tiền lương theo quy định.
3. Giám dự toán số tiền **1.039.000.000 đồng** theo kiến nghị của KTNN niên độ ngân sách năm 2024 tại Báo cáo kiểm toán phát hành theo Công văn số 180/KTNN-TH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của KTNN và theo Công văn số 48/KVIV-TH ngày 28 tháng 8 năm 2025 của KTNN khu vực IV gửi Kho bạc nhà nước khu vực II.
4. Sở Giáo dục và Đào tạo thẩm định nội dung dự toán theo nhu cầu của đơn vị, giá trị dự toán chỉ dùng làm cơ sở bố trí nguồn kinh phí thực hiện, đơn vị chịu trách nhiệm về số liệu quyết toán thực tế theo đúng quy định.

Chi tiết kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên của đơn vị như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN ĐÃ PHÂN BỐ	DỰ TOÁN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG LẦN NÀY	TỔNG SỐ
1	Chi lương và các khoản chi phí hoạt động	7.171.000	0	7.171.000
2	Chênh lệch tăng lương cơ sở từ 1,49 triệu đồng lên 2,34 triệu đồng	1.794.000	-141.000	1.653.000
3	Phụ cấp thâm niên nhà giáo	987.000	0	987.000
4	Hỗ trợ chi phí học tập	0	0	0
5	Phụ cấp ưu đãi cho giáo viên dạy người khuyết tật	0	0	0
6	Hỗ trợ giáo dục mầm non theo Nghị quyết 01/2014/NQ-HĐND	0	0	0
7	Chính sách thu hút giáo viên mầm non theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐND	0	0	0
8	Hỗ trợ ngành giáo dục trên địa bàn huyện Cần Giờ theo Nghị quyết số 14/2018/NQ-HĐND	0	0	0
9	Chính sách đặc thù cho học sinh tại xã đảo Thạnh An, huyện Cần Giờ theo Nghị quyết số 38/2023/NQ-HĐND	0	0	0
10	Kinh phí dạy văn hóa theo Nghị định số 20/2014/NĐ-CP	0	0	0
11	Kinh phí cấp bù tiền miễn học phí	1.760.240	0	1.760.240
12	Kinh phí chăm lo Tết Bính Ngọ	136.000	0	136.000
13	Chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 27/2025/NQ-HĐND và chi tính gián biên chế (nếu có)	6.559.000	-898.000	5.661.000
14	Quỹ tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP	500.000	0	500.000

thực hiện